

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ
MÔN: ĐỊA LÍ
Lớp 10

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TNKQ)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao (TL)		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Sử dụng bản đồ	- Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ - Phương pháp sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và trong đời sống. - Một số ứng dụng của GPS (Global Positioning System – Hệ thống định vị toàn cầu) và bản đồ số trong đời sống.	1							Xác định khoảng cách trên bản đồ.	10
2	Trái Đất	- Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.	1								12,5
			1		1	Tính giờ	1				
3	Thạch quyển	- Khái niệm thạch quyển. - Thuyết kiến tạo mảng. - Sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa. - Nội lực - Ngoại lực	1	1		2				1	30
			2		1						
			2		1						
4	Khí quyển	– Khái niệm		1		2				1	45

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TNKQ)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao (TL)		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
		khí quyển – Nhiệt độ không khí – Khí áp và gió – Mưa – Các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất	2 3 1 1		1 1	Tính nhiệt độ trung bình năm	1 1 1			So sánh biên độ nhiệt trung bình năm	
5	Thủy quyển	– Khái niệm thủy quyển – Nước trên lục địa	1								2,5
Số câu/ loại câu			18	2	6	6	4			4	
Tổng hợp chung			50%		30%		10%		10%		100%

Lưu ý: Đề thi gồm 2 phần như sau:

* **Phần trắc nghiệm:** Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (chỉ có một phương án đúng).

* **Phần tự luận:** Dạng trả lời ngắn căn cứ trên một lệnh hỏi.

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ
MÔN: ĐỊA LÍ
Lớp 10

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Sử dụng bản đồ	- Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ - Phương pháp sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và trong đời sống. - Một số ứng dụng của GPS (Global Positioning System – Hệ thống định vị toàn cầu) và bản đồ số trong đời sống.	Nhận biết: - Nhận biết một số phương pháp phổ biến để biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. - Trình bày được những đặc tính của đối tượng ĐL được biểu hiện trên BĐ. Vận dụng – Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và đời sống.	4 TNKQ			1 - thước đo tỉ lệ để tính khoảng cách
2	Trái Đất	- Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.	Nhận biết – Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất - Đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Trình bày được các hệ quả chủ yếu của chuyển động Trái Đất. Thông hiểu – Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: Vận dụng – Sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất. + Chuyển động tự quay: sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất.	2 TNKQ	1 TNKQ 1 - Giờ địa phương 2 điểm → giờ múi/ GMT. Hoặc Giờ địa phương – giờ múi/ GMT điểm 1 và giờ múi/ GMT điểm 2→ giờ địa phương.	1 TNKQ	

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
3	Thạch quyển	- Khái niệm thạch quyển. - Thuyết kiến tạo mảng. - Sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa. - Nội lực và ngoại lực	Nhận biết – Nêu được khái niệm thạch quyển. – Nêu được khái niệm nội lực. - Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng. Thông hiểu - Phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. – Trình bày được nguyên nhân hình thành nội lực. - Trình bày tác động của nội lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. Vận dụng – Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực, thuyết kiến mảng đến địa hình bề mặt Trái Đất. Vận dụng cao – Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.	5 TNKQ 1 TL	3 TNKQ 2 TL Tác động của nội lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. Hoặc 2 TL Tác động của Thuyết kiến tạo mảng đến địa hình bề mặt Trái Đất.		1 TL Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.
4	Khí quyển	– Khái niệm khí quyển – Nhiệt độ không khí – Khí áp và gió – Mưa – Các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất	Nhận biết – Nêu được khái niệm khí quyển. – Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình. – Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương. – Trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. Thông hiểu – Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên thế giới. – Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. Vận dụng – Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số	6 TNKQ 1 TL	2 TNKQ 2 TL 1- Tính nhiệt độ trung bình năm	3 TNKQ	1- So sánh biên độ nhiệt trung bình năm 1 TL

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa). – Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. Vận dụng cao – Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.				
5	Thủy quyền	– Khái niệm thủy quyền – Nước trên lục địa	Nhận biết – Nêu được khái niệm thủy quyền. – Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương. – Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông. – Trình bày được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.	1TNKQ			
Số câu/ loại câu				18 câu TNKQ 2 lệnh hỏi	6 câu TNKQ 6 lệnh hỏi	4 câu TNKQ	4 lệnh hỏi
Tổng hợp chung				50%	30%	10%	10%